

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-03-2025

V/v “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Bùi Xuân Thường

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Thế Phương
2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ: Ông Lê Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 393/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024; về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường M, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường M, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn H1 tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới vào năm 1989 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/9/1989, số vào sổ 3, quyển 7. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống, cách sống, ông H1 thường xuyên đi nhậu, về nhà trong tình trạng say xỉn rồi có những lời lẽ xúc phạm đến nhân phẩm của bà, ghen tuông vô cớ, gây áp lực tinh thần cho bà trong thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Bà và ông H1 nhiều lần hàn gắn hôn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà tuy vẫn sống chung nhà, nhưng đã riêng tư về mọi mặt từ năm 2019 cho đến nay. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung là Phạm Thị H2, sinh năm 1990 và Phạm Văn H3, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không bổ sung gì thêm.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn H1:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Phạm Văn H1 theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, ông Phạm Văn H1 không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định pháp luật; bị đơn đã vi phạm các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với ông Phạm Văn H1, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn H1. Về con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà H phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo nội dung Đơn khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật của vụ án là: “*Ly hôn*”. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố P, phường M, thị xã P (N là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt bị đơn: Đối với ông Phạm Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở xác định: Bà Đỗ Thị H và ông Phạm Văn H1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/1989 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình, sổ vào sổ 3, quyển 7, nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Theo bà H xác nhận, do bất đồng quan điểm sống, cách sống, giữa bà H và ông H1 không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải, để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng với bà H. Nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H1.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H với ông H1.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông H1 có 02 con chung là Phạm Thị H2, sinh năm 1990 và Phạm Văn H3, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với ông Phạm Văn H1 về việc: “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn H1.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003972 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (Nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Đỗ Thị H đã nộp xong án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- UBND xã Quang Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường